

Số: /BQL-DNLD

Đồng Tháp, ngày tháng 4 năm 2026

V/v thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu

Kính gửi:

- Các đơn vị, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

Thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu (KCN, KKTCK) tỉnh Đồng Tháp luôn được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra, giám sát vẫn còn một số doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường.

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong KCN, KKTCK, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp lưu ý và đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp quan tâm thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Một số văn bản về lĩnh vực môi trường đã được ban hành để đối chiếu thực hiện:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.

- Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT).

- Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT).

- Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Thông tư số 44/2025/TT-BNNMT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN 07:2025/BNNMT).

- Công văn số 9368/BTNMT-KSON ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Quyết định 09/2026/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đề nghị và lưu ý các đơn vị, doanh nghiệp:

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của nhân viên, người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (cơ sở) về công tác bảo vệ môi trường; phân loại, thu gom và xử lý chất thải theo quy định; hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần trong sinh hoạt; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, thân thiện với môi trường.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải, nước thải: thường xuyên kiểm tra, giám sát quy trình vận hành, đảm bảo phải xử lý khí thải, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường, tuyệt đối không để phát sinh nước thải, khói, bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Lưu ý: đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, các cơ sở thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có lưu lượng xả thải ra

môi trường từ 50 m³/ngày trở lên thì Hệ thống xử lý nước thải bắt buộc phải có công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công tác thu gom, đấu nối và xử lý nước thải:

+ Các cơ sở trong KCN, KKTCK: thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phải thực hiện việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của KCN theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN (trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đấu nối nước thải trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành) theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường. Lưu ý: đối với hành vi không đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của KCN theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN và giấy phép môi trường của KCN (trừ trường hợp cơ sở đã có biện pháp, công trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đã được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của KCN theo quy định) sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022.

+ Các đơn vị, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN: thu gom, đấu nối nước thải của tất cả các cơ sở (dự án đang hoạt động, dự án mới, dự án nâng công suất) trong KCN vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của KCN (trừ dự án đã được miễn trừ đấu nối theo quy định) theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và quy định tại Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Lưu ý đối với hành vi không thực hiện thu gom, đấu nối hoặc đấu nối không triệt để nước thải của các cơ sở trong KCN vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung KCN theo quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022.

- Đối với các loại chất thải phát sinh: thực hiện các giải pháp thu gom, phân loại, lưu chứa, xử lý và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, lưu giữ đầy đủ chứng từ chuyển giao theo quy định. Ngoài ra lưu ý:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định và hướng dẫn tại Công văn số 9368/BTNMT-KSON ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kỹ thuật về phân

loại chất thải rắn sinh hoạt và Quyết định 09/2026/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

+ Đối với chất thải công nghiệp thông thường: sử dụng biên bản bàn giao chất thải công nghiệp thông thường đúng theo mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT khi thực hiện chuyển giao chất thải.

+ Đối với chất thải nguy hại: bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*khu vực chứa chất thải nguy hại phải có mặt sàn trong không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại; bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại, có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều; ...*).

- Về đối tượng, thời điểm cấp giấy phép môi trường:

+ Đối tượng phải có giấy phép môi trường: theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

+ Thời điểm cấp giấy phép môi trường: được quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Lưu ý đối với dự án đầu tư, cơ sở, KCN hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022), trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn (**được sử dụng đến ngày 31/12/2026**).

- Về đối tượng, thời điểm đăng ký môi trường:

+ Đối tượng phải đăng ký môi trường: theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thời điểm đăng ký môi trường: theo quy định tại khoản 6 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường. Lưu ý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường phải đăng ký môi trường trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Về kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải:

+ Về kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và công khai kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Về kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải: cơ sở có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường. Trường hợp lồng ghép, tích hợp với kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trên thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường.

- Về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp phép môi trường:

+ Đối tượng: theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

+ Thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 6 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Về báo cáo công tác bảo vệ môi trường: nội dung, hình thức và thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Về công khai thông tin môi trường: thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường: công khai trên trang thông tin điện tử của chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM hoặc sau khi được cấp giấy phép môi trường.

+ Kết quả quan trắc tự động, liên tục nước thải, bụi, khí thải công nghiệp: công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của chủ dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công dự án, cơ sở. Vị trí đặt bảng thông tin điện tử phải thuận lợi cho người dân theo dõi, giám sát. Thời điểm công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả liên tục trong thời gian 30 ngày.

+ Kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ: công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của chủ dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công dự án, cơ sở. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

- Về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và thu gom, xử lý chất thải: đối với các cơ sở sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc theo quy định hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường.

- Về nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường và hệ thống quản lý môi trường: cơ sở thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

- Về mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường: cơ sở thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ có trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường.

- Về ký quỹ bảo vệ môi trường:

+ Đối tượng: cơ sở khai thác khoáng sản; chôn lấp chất thải; nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Khoản tiền ký quỹ, quy trình ký quỹ: thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Ngoài ra, đối với các đơn vị, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN còn đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong KCN theo quy định tại Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; giám sát, nắm bắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong KCN; kịp thời phát hiện và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Ban Quản lý Khu kinh tế đề nghị doanh nghiệp tự rà soát, chấn chỉnh ngay các nội dung còn tồn tại, chưa đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thông tin, trao đổi Quý doanh nghiệp liên hệ về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp (qua Phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động: ông Võ Nhựt Huy, số điện thoại: 0853566599; ông Lê Trọng Hữu, số điện thoại: 0907360398).

Ban Quản lý Khu kinh tế đề nghị Quý doanh nghiệp thực hiện tốt các nội dung nêu trên./.

Đính kèm: Công văn số 9368/BTNMT-KSON ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt; Quyết định 09/2026/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB, các PTB;
- Website BQLKKT;
- Lưu: VT, DNLD (Huy).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Hiếu Nghĩa